

Bản án số: 25/2026/HS-PT
Ngày 22/01/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr và bà Nguyễn Thị My My

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Loan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa: Ông Biện Tấn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 306/2025/TLPT-HS ngày 03 tháng 11 năm 2025 do có Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-P7 ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk và kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X đối với bản án hình sự sơ thẩm số 24/2025/HSST ngày 17/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Đăk Lăk.

*** Bị cáo đồng thời là bị hại trong vụ án có kháng cáo, kháng nghị:** Đoàn Thị L; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Khu phố P, phường T, tỉnh Đăk Lăk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12. Tiền án, tiền sự: Không. Là Đảng viên Đ2, đã đình chỉ sinh hoạt Đảng từ ngày 28/8/2025. Cha: Đoàn H7 (chết); Mẹ: Cao Thị S (chết); Chồng: Lê Hồng Q (chết). Có 02 con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1996.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt tại phiên tòa.*

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Khu phố B, phường Đ, tỉnh Đăk Lăk. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

*** Trong vụ án này còn có các bị cáo Nguyễn Hoàng D, Lê Thị Bích V** bị truy tố, xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS và **những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** Lê Hồng V1, Lê Trọng H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị C, Võ Tấn T, Nguyễn Văn S1, Võ Kim H2, Bùi Thị T1, Trần Chí B, Phan Thị Ngọc H3, Huỳnh Văn K, Bùi Thị Kim T2, Lê Thị L1 (*người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lê Thị L1 là ông Trần Quốc T3*), nhưng không có kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2023, tại phường T, tỉnh Đắk Lắk, Đoàn Thị L là hàng xóm của Lê Thị Bích V, L kể cho V về việc con của L là Lê Hồng V1 đã tốt nghiệp đại học nhưng chưa có việc làm, V nói chồng V là Nguyễn Hoàng D có quen biết nhiều người giúp xin việc làm cho con của L. V kể lại cho D việc muốn xin việc cho con, D nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của L, D bàn bạc với V nói dối L có thể xin được việc làm cho V1. Khi L đến nhà gặp D và V để nhờ D xin việc làm cho con của L, D nói dối với L là D có quen biết nhiều người để xin cho con của L làm việc tại Công ty cổ phần T6, L tin là thật, nói với D lo xin việc bao nhiêu tiền thì L đưa, D hẹn L sẽ trả lời sau. Sau đó, D bàn bạc với V đưa ra thông tin xin việc làm cho con của L, lấy số tiền 300.000.000 đồng, V đồng ý. Khoảng 02 ngày sau, D sử dụng điện thoại gọi cho L, yêu cầu L đưa số tiền 300.000.000 đồng cho D để lo cho con của L vào làm việc tại Công ty cổ phần T6. Ngày 29/6/2023, L chuyển 300.000.000 đồng vào số tài khoản 108800868677 ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 (V5) của V, nhận được tiền, V chuyển 300.000.000 đồng vào số tài khoản 102809111179 ngân hàng V5 của D. Sau đó, L nói lại với D chuyển 200.000.000 đồng trước, khi nào xong việc thì L chuyển tiếp 100.000.000 đồng thì D đồng ý chuyển trả lại 100.000.000 đồng vào số tài khoản 59010000113671 ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ3 của L. Ngày 07/7/2023, D gọi điện thoại nói dối L đã lo xong việc làm cho con L, yêu cầu L chuyển số tiền 100.000.000 đồng còn lại, L tưởng là thật nên chuyển 100.000.000 đồng vào số tài khoản 108800868677 ngân hàng V5 của V. Nhận được tiền, từ ngày 29/6/2023 đến ngày 09/7/2023, D, V chia nhau sử dụng trả nợ cho người khác và tiêu xài cá nhân hết. D, V không liên hệ, đưa tiền cho người khác để xin việc làm cho con của L tại Công ty cổ phần T6 theo yêu cầu của L. Ngày 14/7/2023, D viết 01 tờ giấy cam kết xin việc làm cho con của L trong thời hạn 02 tháng, nếu không xin được việc sẽ trả lại tiền. Đến thời hạn, không thấy D liên lạc để con của L đi làm, L nhiều lần đòi lại tiền nhưng D, V hứa hẹn, trốn tránh, không hoàn trả tiền cho L. Ngày 20/7/2024, L đã tố giác hành vi của D, V đến Cơ quan Công an.

Kết luận giám định số 385/KL-KTHS ngày 11/9/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh P, kết luận: 01 tờ giấy với nội dung: “Con Nguyễn Hoàng D có nhận cô L 300.000.000đ để xin việc làm trong thời gian 02 tháng, nếu sau hai tháng không xin được trả lại tiền. Tuy Hòa, ngày 14/7/2023. Người viết. D. Nguyễn Hoàng D” là do Nguyễn Hoàng D viết và ký.

*** Tại bản án hình sự sơ thẩm số 24/2025/HSST ngày 17/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Đắk Lắk đã quyết định;**

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoàng D và bị cáo Lê Thị Bích V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; bị cáo Đoàn Thị L phạm tội “Đưa hối lộ”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng D **05 (Năm) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 27/9/2024.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Bích V **03 (Ba) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 364 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Đoàn Thị L 0 (**H4) năm tù**, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **04 (Bốn) năm** tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17/9/2025).

Giao bị cáo Đoàn Thị L cho Ủy ban nhân dân Phường T, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân Phường T, tỉnh Đắk Lắk trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo đổi nơi cư trú thì việc giám sát, giáo dục bị cáo được thực hiện theo khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo: Bị hại đồng thời là bị cáo Đoàn Thị L được nhận số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu*) đồng mà các bị cáo Nguyễn Hoàng D và Lê Thị Bích V đã đóng khắc phục hậu quả (do bà Bùi Thị Kim T2 nộp thay) với số tiền 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu*) đồng tại biên lai thu tiền số 0000649 ngày 26/8/2025 và số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) tại biên lai thu tiền số 0000650 ngày 26/8/2025 của của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

- **Về xử lý vật, tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm:** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo D, bị cáo V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền tổng cộng 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) để tịch thu sung quỹ nhà nước, cụ thể:

+ Ông Lê Trọng H nộp lại số tiền 67.600.000 đồng (*Sáu mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng*);

+ Bà Lê Thị L1 (bà L1 đã chết) nên người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà L1 là ông Trần Quốc T3 nộp lại số tiền 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*);

+ Ông Nguyễn Văn H1 nộp lại số tiền 45.550.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*);

+ Bà Nguyễn Thị X nộp lại số tiền 12.074.200 đồng (*Mười hai triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn hai trăm đồng*);

+ Bà Nguyễn Thị C nộp lại số tiền 24.000.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu đồng*);

+ Ông Võ Tấn T nộp lại số tiền 44.500.000 đồng (*Bốn mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng*);

+ Ông Nguyễn Văn S1 nộp lại số tiền 51.350.000 đồng (*Năm mươi một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*);

+ Ông Võ Kim H2 nộp lại số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*);

+ Bà Bùi Thị T1 nộp lại số tiền 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*);

+ Ông Trần Chí B nộp lại số tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*);

+ Bà Phan Thị Ngọc H3 nộp lại số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*);

+ Ông Huỳnh Văn K nộp lại số tiền 13.400.000 đồng (*Mười ba triệu bốn trăm nghìn đồng*);

+ Bị cáo Nguyễn Hoàng D nộp lại số tiền: 17.250.000 đồng (*Mười bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*);

+ Bị cáo Lê Thị Bích V nộp lại số tiền: 775.800 đồng (*B1 trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*** Kháng cáo, kháng nghị:**

- Ngày 29 tháng 9 năm 2025 bị cáo Đoàn Thị L có đơn kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2025/HS-ST ngày 17/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Đắk Lắk. Ngày 14 tháng 10 năm 2025 bị cáo Đoàn Thị L có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo.

- Ngày 16/10/2025 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có kháng nghị số: 02/QĐ-VKS-P7 ngày 15 tháng 10 năm 2025, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm theo hướng miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Đoàn Thị L về tội “Đưa hối lộ” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 364 BLHS; Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng D và bị cáo Lê Thị Bích V trả lại số tiền 300.000.000 đồng cho bị cáo L, được khấu trừ số tiền 70.000.000 đồng các bị cáo D, V bồi thường cho bị cáo L.

- Ngày 16/10/2025 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X kháng cáo không đồng ý trả lại số tiền 12.074.200 đồng.

*** Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bị cáo Đoàn Thị Lê khai: Việc bị cáo rút đơn kháng cáo là tự nguyện. Bị cáo nhận thức được việc đưa tiền cho người khác với mục đích xin việc cho con là vi phạm pháp luật. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội đưa hối lộ là đúng, bị cáo không kêu oan và đồng ý với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo và buộc các bị cáo D, V phải trả lại cho bị cáo số tiền 300.000.000 đồng. Bị cáo xác nhận D và V đã trả được cho bị cáo số tiền 70.000.000 đồng; đối với số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu*) đồng mà các bị cáo D và V đã đóng khắc phục hậu quả (do bà Bùi Thị Kim T2 nộp thay) tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk thì bị cáo chưa được nhận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-P7 ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 1 Điều 357 BLTTHS, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 24/2025/HSST ngày 17/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Đắk Lắk. Áp dụng khoản 7 Điều 364 BLHS, miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Đoàn Thị L.

Buộc Nguyễn Hoàng D, Lê Thị Bích V phải trả lại cho Đoàn Thị Lê S2 tiền 300.000.000 đồng, khấu trừ 70.000.000 đồng D và V đã tự nguyện trả cho bị cáo Đoàn Thị L và 40.000.000 đồng D và V nộp khắc phục hậu quả (do bà Bùi Thị Kim T2 nộp thay) tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị X, giữ nguyên quyết định của Tòa án sơ thẩm về việc buộc bà X phải trả lại số tiền 12.074.200 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1.1] Đối với việc rút đơn kháng cáo của bị cáo Đoàn Thị L: Ngày 29/9/2025 bị cáo Đoàn Thị L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Ngày 14/10/2025 bị cáo Đoàn Thị L có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo. Xét thấy, việc rút đơn kháng cáo của bị cáo Lê L2 hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần đình chỉ việc xem xét giải quyết đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Đoàn Thị L .

[1.2] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của Nguyễn Hoàng D, Lê Thị Bích V và Đoàn Thị Lê T5 rằng: Do có mối quan hệ là hàng xóm láng giềng nên khoảng tháng 6/2023 Đoàn Thị Lê có kể cho Lê Thị Bích V nghe về việc con của L là Lê Hồng V1 đã tốt nghiệp đại học nhưng chưa có việc làm nên muốn xin việc cho con. V nói với L chồng mình là Nguyễn Hoàng D có quen biết nhiều người có thể giúp xin việc làm cho con của L, do tin tưởng nên L gửi qua zalo của V hình ảnh bằng tốt nghiệp đại học của V1 để V xem và V kể lại cho D việc muốn xin việc cho con.

Do trong thời gian này, việc làm ăn bị thua lỗ, nợ nần nhiều người, cần có tiền để trang trải nên mặc dù không công tác, không có mối quan hệ quen biết, không có khả năng xin việc cho Lê Hồng V1 nhưng Nguyễn Hoàng D và Lê Thị Bích V vẫn đưa ra thông tin gian dối, yêu cầu Đoàn Thị L đưa số tiền 300.000.000 đồng với mục đích để chi phí xin cho Nguyễn Hồng V3 vào làm việc tại Công ty Cổ phần T6.

Trên thực tế D và V không gặp gỡ hay liên hệ với bất kỳ ai để xin việc cho L Lê Hồng V1 như đã hứa hẹn mà dùng ngay số tiền nhận từ L để trả nợ cho nhiều người và tiêu xài cá nhân (*ngày 29/6/2023 trả nợ cho ông Lê Trọng H số tiền 67.600.000 đồng; trả nợ cho Võ Tấn T số tiền 33.000.000 đồng; trả nợ cho Nguyễn Kim H5 2.000.000 đồng, trả nợ cho bà Nguyễn Thị X 5.000.000 đồng; trả nợ cho Lê Thị L1 4.000.000 đồng; trả nợ cho Nguyễn Văn H1 số tiền 3.150.000 đồng ...*) và theo kết quả xác minh thì năm 2023 Công ty cổ phần T6 không có kế hoạch tuyển dụng nhân sự.

Quá trình làm việc với cơ quan điều tra, Nguyễn Hoàng D và Lê Thị Bích V đều khai không nói với Đoàn Thị Lê là sẽ đưa số tiền 300.000.000 đồng cho ai, có chức vụ, quyền hạn như thế nào, ở đâu để lo việc cho Lê Hồng V1, lời khai này của D và V phù hợp với lời khai của Đoàn Thị L .

Như vậy, có cơ sở để xác định Nguyễn Hoàng D và Lê Thị Bích V đã chủ động đưa ra thông tin gian dối ngay từ đầu nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của Đoàn Thị L và do tin tưởng nên Đoàn Thị L đã đưa tiền cho D và V.

Sau khi đưa tiền một thời gian nhưng không có thông tin về việc con mình là Lê Hồng V1 được nhận vào làm việc nên ngày 14/7/2023 Đoàn Thị L đã yêu cầu Nguyễn Hoàng D viết một tờ giấy cam kết sẽ xin việc làm cho con của L trong thời hạn 02 tháng, nếu không xin được thì phải trả lại tiền. Đến hạn không thấy D thông tin về việc đã xin được việc làm cho V1 nên L nhiều lần yêu cầu D và V trả tiền nhưng D và V trốn tránh nên ngày 20/7/2024 Đoàn Thị L đã tố giác hành vi của Nguyễn Hoàng D và Lê Thị Bích V đến cơ quan công an.

- Khoản 7 Điều 364 BLHS quy định: “Người bị ép buộc đưa hối lộ mà chủ động khai báo trước khi bị phát giác, thì được coi là không có tội và được trả lại toàn bộ của đã dùng để đưa hối lộ.

Người đưa hối lộ tuy không bị ép buộc nhưng đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự và được trả lại một phần hoặc toàn bộ của đã dùng hối lộ”.

Trong vụ án này, bị cáo Đoàn Thị L đã tin tưởng Nguyễn Hoàng D và Lê Thị Bích V có thể xin được việc làm cho con trai mình là Lê Hồng V1 tại Công ty cổ phần T6 nên đã có hành vi đưa cho Nguyễn Hoàng D và Lê Thị Bích V số tiền 300.000.000 đồng với mục đích xin việc cho con. Sau khi biết được thủ đoạn gian dối của D và V, Đoàn Thị L đã chủ động khai báo với cơ quan điều tra trước khi bị phát giác.

Do đó cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Đoàn Thị L và buộc các bị cáo Nguyễn Hoàng D, Lê Thị Bích V phải hoàn trả cho Đoàn Thị L số tiền 300.000.000 đồng đã chiếm đoạt, khấu trừ số tiền 70.000.000 đồng mà các bị cáo D và V đã tự nguyện trả cho Đoàn Thị L trước đó và số tiền 40.000.000 đồng D và V nộp khắc phục hậu quả (do bà Bùi Thị Kim T2 nộp thay) tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Buộc Nguyễn Hoàng D, Lê Thị Bích V tiếp tục có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho Đoàn Thị L số tiền 190.000.000 đồng.

[1.3] Đối với kháng cáo của bà Lê Thị X1: Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền 300.000.000 đồng Đoàn Thị L đưa cho D và V là tài sản dùng vào việc phạm tội và buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị X1 phải trả lại số tiền 12.074.200 đồng đã nhận từ Nguyễn Hoàng D và Lê Thị Bích V để sung ngân sách nhà nước là phù hợp. Do đó không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị X1.

Từ những phân tích, nhận định như đã nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 24/2025/HSST ngày 17/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Đắk Lắk về phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Đoàn Thị L .

Không nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X. Giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về việc buộc bà Lê Thị X1 phải nộp lại số tiền tiền 12.074.200 đồng đã nhận từ Nguyễn Hoàng D và Lê Thị Bích V để sung ngân sách nhà nước.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Hoàng D và Lê Thị Bích V phải chịu 9.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị X là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 1 Điều 357; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

[1.1] Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-P7 ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 24/2025/HSST ngày 17/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Đắk Lắk về phân trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Đoàn Thị L .

[1.2] Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X1. Giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về việc buộc bà Nguyễn Thị X1 phải nộp lại số tiền 12.074.200 đồng đã nhận từ Nguyễn Hoàng D và Lê Thị Bích V để sung ngân sách nhà nước.

[2] Tuyên xử:

[2.1] Căn cứ điểm e khoản 2; khoản 7 Điều 364; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Đoàn Thị L về “Tội đưa hối lộ”.

[2.2] Về trách nhiệm dân sự: Buộc Nguyễn Hoàng D, Lê Thị Bích V có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho Đoàn Thị Lê số tiền 300.000.000 đồng đã chiếm đoạt. Được khấu trừ số tiền 70.000.000 đồng mà các bị cáo D và V đã tự nguyện trả cho Đoàn Thị L trước đó và số tiền 40.000.000 đồng D và V nộp khắc phục hậu quả (do bà Bùi Thị Kim T2 nộp thay) tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Nguyễn Hoàng D, Lê Thị Bích V có nghĩa vụ liên đới tiếp tục hoàn trả cho Đoàn Thị L số tiền còn lại là 190.000.000 đồng.

[2.3] Về xử lý vật, tiền liên quan đến tội phạm: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Buộc bà Nguyễn Thị X1 phải nộp lại số tiền 12.074.200 đồng đã nhận từ Nguyễn Hoàng D và Lê Thị Bích V để sung ngân sách nhà nước.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyễn Hoàng D, Lê Thị Bích V phải chịu 9.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Án phí hình sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị X là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng;
- Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng (Viện phúc thẩm 2);
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk (PV06);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 11 – Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 11 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực 11 – Đắk Lắk;
- UBND phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Người TGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thu Trang